

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Mã sản phẩm : 001J0624

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Nhà cung cấp : Công ty Shell Việt Nam TNHH
Khu Công Nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái
Tỉnh Đồng Nai 810000
Vietnam

Điện thoại : (+84) 2838240300

Telefax : (+84) 2838220261

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +84 18001140 (TRONG GIỜ LÀM VIỆC) +800-2537-8747 (24h)

Địa chỉ email liên lạc cho SDS : Nếu bạn có bất cứ thắc mắc nào về nội dung của SDS này xin vui lòng gửi thư điện tử về lubricantSDS@shell.com

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Chất chống đông và chất làm mát.

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 4

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm :

TÁC HẠI VẬT LÝ:
Không bị phân loại là độc hại theo tiêu chuẩn GHS.
TÁC HẠI VỚI SỨC KHOẺ:
H302 Có hại nếu nuốt phải.
TÁC HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG:
Không thuộc loại nguy hại đối với môi trường theo các tiêu chuẩn phân loại của GHS.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:
P264 Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P312 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
P330 Súc miệng.

Lưu trữ:

Không có khuyến cáo.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thành phần nguy hại cần phải liệt kê trên nhãn:
Có chứa glycol diethylen.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Bản chất hóa học : Hỗn hợp của ethylene glycol, nước và các chất phụ gia.

Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học	Số CAS	Phân loại	Nồng độ (% w/w)
2.2'-oxydiethanol	111-46-6	Acute Tox.4; H302	30 - 50
Carboxylic acid	334-48-5	Skin Corr.1C; H315 Aquatic Chronic3; H412 Eye Irrit.2; H319	1 - 2.49

Xem mục 16 về giải thích cho các cụm từ viết tắt.

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Không được cho là có nguy hiểm cho sức khỏe khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Chuyển đến khu vực có không khí sạch. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	: Loại bỏ quần áo bị dính sản phẩm. Rửa sạch khu vực da bị tiếp xúc bằng nhiều nước và xà phòng nếu có thể. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	: Rửa mắt với nhiều nước. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	: Nếu nuốt phải, đừng cố ói ra: chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm. Nếu xảy ra ói, giữ cho đầu thấp hơn hông để tránh hít vào. Súc miệng.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	: Thận bị ngộ độc có thể được nhận ra bằng sự xuất hiện máu trong nước tiểu hay dòng nước tiểu giảm đi hay mạnh lên. Các dấu hiệu và triệu chứng khác có thể bao gồm buồn nôn, nôn ói, cơ rút ruột, tiêu chảy, đau bên sườn sau khi nuốt vào, và có thể gây mê man và tử vong. Không xem là nguy hiểm ở điều kiện sử dụng bình thường. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng hô hấp có thể bao gồm một cảm giác bỏng tạm thời trên mũi và họng, ho, và/hay khó thở. Không có các nguy cơ cụ thể trong những điều kiện sử dụng bình thường. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng mắt có thể bao gồm cảm giác bỏng rát, đỏ mắt, phỏng rộp, và/hoặc mờ mắt. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng da có thể bao gồm cảm giác bỏng rát, đỏ, phỏng, và/hay rộp. Khi nuốt phải, có thể gây ra buồn nôn, ói mửa hoặc bị tiêu chảy. Nồng độ cao có thể gây suy yếu hệ thần kinh trung ương dẫn đến đau đầu, chóng mặt, nôn ói; nếu tiếp tục hít phải có thể gây bất tỉnh hay tử vong.
Bảo vệ người sơ cứu	: Khi tiến hành sơ cứu, hãy đảm bảo rằng bạn đang được trang bị thiết bị bảo vệ cá nhân thích hợp theo sự cố, thương tổn và điều kiện xung quanh.
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	: Chăm sóc y tế ngay lập tức, điều trị đặc biệt Hãy rỉa khám Bauc số hay nưán trung tâm xũ lữ chaát ñoăc. Xũ lý theo triệu chứng. Có thể gây nhiễm độc nghiêm trọng thận, hô hấp, và thần kinh trung ương. Có thể gây nhiễm axit nghiêm trọng. Biếăn phẩu ñiêu trò lăp ngay lăp tũc ñiêu ñiêu cõ sũu y teá vă sũu dũng cẩu biếăn phẩu ñiêu trò thĩch hũip bao goàm sũu dũng than hoăit tĩnh, rửa dăi dăy vă huýt dăi dăy. Neáu khoăng theă thũic hiếăn ngay cẩu biếăn phẩu treăn vă cõu theă phẩu ñiêu hũn mốt giũu ñoăng hoă trũũc khi cõu theă thũic hiếăn mốt trong cẩu biếăn phẩu treăn, neăn gaỹu noăn mũu baềng cẩu sũu dũng nũũc siroă IPECAC (Cõu chă ñiêu rũ neáu cõu cẩu dăũ hiếũ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

suy giảm hệ thần kinh trung ương). Nên tuân thủ các
lỗi khuyến cáo chuyên gia theo tổng thông báo.
Các cách tiếp xúc lâu dài với các chất bao gồm các
chất ethanol, fomepizole, các chất axit và các chất
màu. Tìm ngay lỗi khuyến cáo chuyên gia.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bột, nước phun hay sương mù. Bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất chỉ có thể được dùng trong trường hợp hỏa hoạn nhỏ.
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa.
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Các sản phẩm cháy nguy hiểm bao gồm:
Phức hợp các hạt rắn trong không khí, các phân tử chất lỏng và khí (dạng khói).
Cacbon monoxit có thể được tạo ra nếu sự cháy xảy ra không hoàn toàn.
Các hợp chất hữu cơ và vô cơ chưa xác định.
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Phải mang những thiết bị bảo hộ thích hợp bao gồm găng tay chống hóa chất; áo quần chống hóa chất được chỉ định nếu dự kiến tiếp xúc nhiều với sản phẩm bị tràn đổ. Phải đeo mặt nạ thở khi lại gần lửa trong khu vực chật hẹp. Chọn áo quần của nhân viên chữa cháy phù hợp với Tiêu Chuẩn liên quan (ví dụ: Châu Âu: EN469).

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Tránh tiếp xúc với da và mắt.
- Các cảnh báo về môi trường : Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : rất trơn, khi đổ sản phẩm trên sàn. Để tránh tai nạn, cần dọn sạch ngay lập tức
Ngăn không cho lan rộng ra bằng cách tạo một rào chắn bằng cát, đất hay các vật liệu có khả năng ngăn chặn khác.
Trực tiếp thu hồi chất lỏng hay dùng vật liệu thấm.
Thấm hết phần còn sót lại với một chất hấp thụ như đất sét, cát hay các vật liệu thích hợp khác và thải đúng cách.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

Lời khuyên bổ sung khác : Để lựa chọn đồ bảo hộ lao động, đọc chương 8 của tài liệu An toàn sản phẩm này
Để xử lý, thải loại sản phẩm bị rò rỉ, xem chương 13 của tài liệu An toàn sản phẩm này

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Cảnh báo Chung : Nên lắp đặt hệ thống thông gió bên trong để tránh hít phải hơi dầu, sương dầu hoặc bụi dầu.
Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh tiếp xúc lâu dài hay liên tục với da.
Tránh hít phải khí và/hay sương.
Khi vận chuyển, bốc xếp sản phẩm trong thùng phi phải mang giày bảo hộ lao động và sử dụng các phương tiện bốc xếp, vận chuyển phù hợp.
Loại bỏ đúng cách bất kỳ những mảnh giẻ bị nhiễm dầu nào hay các vật liệu lau chùi, làm sạch để tránh hỏa hoạn.

Các vật liệu cần tránh : Các nguyên tố ôxi hóa mạnh.

Lưu trữ

Các dữ liệu khác : Giữ bồn chứa dầu được đóng chặt thật kín và ở nơi thoáng mát.
Sử dụng những bao bì có thể làm kín và có nhãn đúng qui cách.

Vật liệu đóng gói : Vật liệu phù hợp: Đối với bồn chứa dầu và nắp, khuyến cáo sử dụng thép thấp cacbon hoặc polyethylen có tỉ trọng cao.
Vật liệu không phù hợp: PVC

Lời khuyên về Thùng chứa : Không nên đặt những bồn chứa làm bằng Polyethylen ở nơi nhiệt độ cao, do nguy cơ có thể bị biến dạng.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Etanediol	107-21-1	TWA (Hơi)	60 mg/m ³	VN OEL
Etanediol		TWA (sơn khí, hạt mù sương)	10 mg/m ³	VN OEL

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

Etanediol		STEL (Hơi)	125 mg/m ³	VN OEL
Etanediol		STEL (son khí, hạt mù sương)	20 mg/m ³	VN OEL
Etanediol	107-21-1	TWA (Hơi)	25 ppm	ACGIH
Etanediol		STEL (Hơi)	50 ppm	ACGIH
Etanediol		STEL (Bụi hạt hít phải qua phổi, chỉ son khí)	10 mg/m ³	ACGIH

Ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học

Không có giới hạn về sinh học.

Phương pháp theo dõi

Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp.

Các biện pháp đo lường mức độ phơi nhiễm hợp lệ phải do một người có năng lực thực hiện và các mẫu do phòng thí nghiệm được công nhận phân tích.

Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia.

National Institute of Occupational Safety and Health (NIOSH), USA: Manual of Analytical Methods
<http://www.cdc.gov/niosh/>

Occupational Safety and Health Administration (OSHA), USA: Sampling and Analytical Methods
<http://www.osha.gov/>

Health and Safety Executive (HSE), UK: Methods for the Determination of Hazardous Substances
<http://www.hse.gov.uk/>

Institut für Arbeitsschutz Deutschen Gesetzlichen Unfallversicherung (IFA), Germany.
<http://www.dguv.de/inhalt/index.jsp>

L'Institut National de Recherche et de Sécurité, (INRS), France <http://www.inrs.fr/accueil>

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

: Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm:
Sự thông gió phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí.

Khi sản phẩm bị gia nhiệt, được phun ở dạng bụi dầu hay bị hoá sương, càng có nguy cơ cao về sự hình thành nồng độ cao trong không khí.

Thông tin chung:

Xác định thủ tục xử lý an toàn và duy trì kiểm soát.

Hướng dẫn và đào tạo công nhân về những nguy hiểm và

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

biện pháp kiểm soát có liên quan đến các hoạt động thông thường của sản phẩm này.
Đảm bảo chọn lựa, kiểm tra và bảo trì thiết bị thích hợp được sử dụng để kiểm soát phơi nhiễm, ví dụ như thiết bị bảo vệ cá nhân, thông khí cục bộ.
Rút hết hệ thống trước khi can thiệp hoặc bảo trì thiết bị.
Giữ lượng chất dẫn lưu trong bình đựng kín trong khi chờ xử lý hoặc tái chế tiếp theo.
Luôn luôn tuân theo các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt, như rửa sạch tay sau khi xử lý vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt áo quần làm việc và vệ sinh thiết bị bảo vệ để loại bỏ tạp chất. Vứt bỏ áo quần và giày dép bị nhiễm bẩn mà không thể rửa sạch. Thực hành quản lý tốt.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Các biện pháp bảo vệ

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia. Hãy kiểm tra các nhà cung cấp PPE.

Bảo vệ hô hấp : Không có yêu cầu về sự bảo vệ hô hấp trong những điều kiện sử dụng bình thường.
Phải thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, để tránh hít phải vật liệu này.
Nếu các biện pháp kỹ thuật không duy trì nồng độ hóa chất trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo hộ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các quy định tương ứng.
Hãy kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.
. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn một mặt nạ và bộ lọc kết hợp phù hợp.
Chọn bộ lọc phù hợp với hợp chất khí hữu cơ, hơi nước và hạt [Nhiệt độ sôi Loại A/L loại P > 65°C (149°F)].

Bảo vệ tay
Ghi chú

: Khi có sự tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ: F739) được làm từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Găng tay PVC, găng tay cao su neopren hay găng tay cao su nitril. Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, tính kháng hoá chất của vật liệu làm găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay. Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không thơm để rửa tay.

Để có thể tiếp xúc liên tục, chúng tôi khuyến cáo sử dụng

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

găng tay với thời gian chọc thủng hơn 240 phút nhưng nên là > 480 phút nếu có thể có găng tay thích hợp. Để bảo vệ trong thời gian ngắn/bắn tóe, chúng tôi cũng khuyến cáo biện pháp tương tự, nhưng có thể không có sẵn găng tay thích hợp với mức bảo vệ như vậy và trong trường hợp này, thời gian chọc thủng thấp hơn có thể chấp nhận được miễn là tuân theo chế độ duy trì và thay thế thích hợp. Độ dày của găng tay không phải là chỉ số tốt về tính chịu hóa chất của găng tay vì điều này phụ thuộc vào thành phần vật liệu chính xác của găng tay. Găng tay nên dày hơn 0,35 mm tùy theo chất liệu và kiểu dáng của găng tay.

- Bảo vệ mắt : Sản phẩm trong quá trình sử dụng có thể văng bắn vào mắt nên việc sử dụng kính bảo vệ mắt được khuyến cáo.
- Bảo vệ da và cơ thể : Bảo vệ da thường không yêu cầu vượt quá tiêu chuẩn của quần áo bảo hộ ban hành.
Cần phải đeo găng tay chống nhiễm hóa chất.
- Các mối nguy do nhiệt : Không áp dụng được

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

- Lời khuyên chung : Các hướng dẫn địa phương về các giới hạn thoát khí cho các chất dễ bay hơi phải được áp dụng cho việc thải khí thải có hơi.
Hạn chế thải dầu ra môi trường. Phải thực hiện đánh giá môi trường để đảm bảo phù hợp với qui định về môi trường tại địa phương.
Thông tin về các biện pháp xử lý tình huống hóa chất bị xả ra bất ngờ có trong phần 6.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái : thể lỏng
- Màu sắc : màu đỏ
- Mùi đặc trưng : đặc tính
- Ngưỡng mùi : Không áp dụng.
- Độ pH : Không áp dụng được
- Điểm đông đặc : -48 °C / -54 °F
Phương pháp: ASTM D97
- Điểm nóng chảy/ đông đặc : Không áp dụng được
Không áp dụng.
- Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu : > 100 °C / 212 °F (Các giá trị ước tính)
- Điểm cháy : >= 100 °C / >= 212 °F

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

Phương pháp: ASTM D92 (COC)

Tỷ lệ hóa hơi	: Không áp dụng.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	: Không áp dụng.
Giới hạn trên của cháy nổ	: Khoảng 15 %(V)
Giới hạn dưới của cháy nổ	: Khoảng 3 %(V)
Áp suất hóa hơi	: Không áp dụng. (50 °C / 122 °F)
Tỷ trọng hơi tương đối	: chưa có dữ liệu
Mật độ	: 1,078 kg/m ³ (15.0 °C / 59.0 °F) Phương pháp: ASTM D4052
Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: hòa tan hoàn toàn
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: Không áp dụng.
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: Không áp dụng.
Nhiệt độ tự bốc cháy	: > 200 °C / 392 °F
Nhiệt độ phân hủy	: Không áp dụng.
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: Không áp dụng.
Độ nhớt, động học	: 46 mm ² /s (40.0 °C / 104.0 °F) Phương pháp: ASTM D445
Đặc tính cháy nổ	: Mã phân loại: Không phân loại
Đặc tính ôxy hóa	: Không áp dụng.
Tính dẫn	: Vật liệu này không tích điện.
Trọng lượng phân tử	: Không áp dụng được

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Sản phẩm không có bất kỳ mối nguy hiểm phản ứng nào khác

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

ngoài những nguy hại được liệt kê trong đoạn sau đây.

Tính ổn định	: Ổn định.
Phản ứng nguy hiểm	: Phản ứng mạnh với các tác nhân oxy hóa mạnh.
Các điều kiện cần tránh	: Nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời trực tiếp.
Vật liệu không tương thích	: Các nguyên tố ôxi hóa mạnh.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Cơ sở để Đánh giá	: Thông tin đã cho là dựa vào dữ liệu trên các thành phần và dữ liệu của ngành độc học về các sản phẩm tương tự. Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ.
Đường tiếp xúc	: Tiếp xúc với da và mắt là những cách chủ yếu của phơi nhiễm cho dù phơi nhiễm có thể xảy ra thông qua việc tình cờ nuốt phải.

Độc cấp tính

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng	: LD50 chuột: > 500 - 2,000 mg/kg Ghi chú: Có hại nếu nuốt phải.
-------------------------------	---

Ghi chú: Có sự khác biệt rõ rệt giữa độc tính cấp tính đối với miệng giữa người và loài gặm nhấm, người dễ bị nhiễm độc hơn loài gặm nhấm. Liều gây nguy hiểm ước lượng cho người là 100 mililit (1/2 ly). Vật liệu này cũng đã cho thấy có độc tính và có khả năng giết chết khi nuốt vào đối với mèo và chó.
Khi tiêu hóa chất này có thể gây ngù gật và chóng mặt.

Độc tính cấp do hít phải	: LC 50 Chuột: > 5 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Ghi chú: Có độc tính thấp
--------------------------	---

Độc tính cấp qua da	: LD50 Thỏ: > 5,000 mg/kg Ghi chú: Có độc tính thấp
---------------------	--

Thành phần:

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

2.2'-oxydiethanol:

Độc tính cấp theo đường
miệng

: LD 50 Chuột, Đực và cái: > 5,000 mg/kg
Phương pháp: Dữ liệu văn học
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại
không được đáp ứng
Có sự khác biệt rõ rệt giữa độc tính cấp tính đối với miệng
giữa người và loài gặm nhấm, người dễ bị nhiễm độc hơn loài
gặm nhấm. Liều gây nguy hiểm ước lượng cho người là 100
mililit (1/2 ly). Vật liệu này cũng đã cho thấy có độc tính và có
khả năng giết chết khi nuốt vào đối với mèo và chó.

Độc tính cấp do hít phải

: LC 50 Chuột: > 1 -<= 5 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: Aerosol
Phương pháp: Dữ liệu văn học
Ghi chú: LC50 lớn hơn nồng độ gần bão hòa của hơi.
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không
được đáp ứng

Độc tính cấp qua da

: LD 50 Thỏ: > 2,000 mg/kg
Phương pháp: Dữ liệu văn học
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại
không được đáp ứng

Ăn mòn/kích ứng da

Sản phẩm:

Ghi chú: Gây kích ứng nhẹ cho da., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không
được đáp ứng

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol:

Loài: Thỏ

Phương pháp: Dữ liệu văn học

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Sản phẩm:

Ghi chú: Gây kích ứng nhẹ cho mắt., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại
không được đáp ứng

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol:

Loài: Thỏ

Phương pháp: Dữ liệu văn học

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

Kích thích hô hấp hoặc da

Sản phẩm:

Ghi chú: Không phải là một chất gây nhạy cảm da.

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol:

Loài: Chuột lang

Phương pháp: Được thử nghiệm theo Phụ lục V của Hướng dẫn 67/548/EEC.

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Sản phẩm:

: Ghi chú: Không gây đột biến., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol:

Độc tính gây đột biến gen
trong ống thí nghiệm

: Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

: Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

: Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 479
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

: Loài thử nghiệm: Chuột nhắt
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)- Đánh giá

: Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chuẩn phân loại trong các nhóm 1A/1B.

Tác nhân gây ung thư

Sản phẩm:

Ghi chú: Không phải là chất gây ung thư., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol:

Loài: Chuột, (Đực và cái)

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

Phương pháp: Dữ liệu văn học

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng, Các u tạo ra trên động vật không được coi là tương ứng đối với con người.

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chuẩn phân loại trong các nhóm 1A/1B.

Vật liệu	GHS/CLP Tác nhân gây ung thư Phân loại
2.2'-oxydiethanol	Không phân loại có tính gây ung thư
Carboxylic acid	Không phân loại có tính gây ung thư

Độc tính sinh sản

Sản phẩm:

:
Ghi chú: Không phải là một chất độc phát triển., Không làm giảm độ phì nhiêu., Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol:

: Loài: Chuột nhắt
Giới tính: Đực và cái
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Các phương pháp phi tiêu chuẩn được chấp nhận.

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Thỏ, con cái
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414
Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chuẩn phân loại trong các nhóm 1A/1B.

STOT - Tiếp xúc một lần

Sản phẩm:

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol:

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng, Hít vào hơi hay sương có thể gây khó chịu cho hệ hô hấp., Khi tiêu hóa chất này có thể gây ngứa gât và chóng mặt.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Sản phẩm:

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol:

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol:

Chuột, Đực và cái:

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Phương pháp: Các phương pháp phi tiêu chuẩn được chấp nhận.

Các cơ quan đích: không có cơ quan đích cụ thể nào được lưu ý.

Chó, con đực:

Lộ trình ứng dụng: Da

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 410

Các cơ quan đích: không có cơ quan đích cụ thể nào được lưu ý.

Độc tính hô hấp

Sản phẩm:

Không gây nguy hiểm khi hít vào

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol:

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú: Kích ứng nhẹ hệ hô hấp.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

Ghi chú: Hít vào hơi hay sương có thể gây khó chịu cho hệ hô hấp.

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol:

Ghi chú: Có thể có các phân loại của nhiều cơ quan khác theo các khung quy định pháp lý khác nhau.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Cơ sở để Đánh giá : Dữ liệu về ảnh hưởng xấu đến sinh thái chưa được xác định cụ thể cho sản phẩm này.
Thông tin thể hiện được lấy từ việc nhận biết các thành phần của nó và mức độ tác hại lên môi trường sinh thái của các sản phẩm tương tự.
Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ.

Độc môi trường

Sản phẩm:

Độc đối với cá (Độc cấp tính) :
Ghi chú: LC/EC/IC50 > 100 mg/l
Không độc trên thực tế.
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính đối với loài giáp xác (Độc cấp tính) :
Ghi chú: LC/EC/IC50 > 100 mg/l
Không độc trên thực tế.
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính đối với tảo / cây thủy sinh (Độc cấp tính) :
Ghi chú: LC/EC/IC50 > 100 mg/l
Không độc trên thực tế.
Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: Không áp dụng.

Độc tính đối với loài giáp xác (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: Không áp dụng.

Độc tính đối với các vi sinh vật (Độc cấp tính) : Ghi chú: Không áp dụng.

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol :

Độc đối với cá (Độc cấp tính) : LC50 (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): 75,200 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

	Phương pháp: Tài liệu nghiên cứu. Ghi chú: Không độc trên thực tế. LL/EL/IL50 > 100 mg/l
Độc tính đối với loài giáp xác (Độc cấp tính)	: EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 10,000 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 24 h Phương pháp: Các phương pháp hướng dẫn khác. Ghi chú: Không độc trên thực tế. LL/EL/IL50 > 100 mg/l
Độc tính đối với tảo / cây thủy sinh (Độc cấp tính)	: EC50 (Scenedesmus quadricauda (Tảo lục)): 2,700 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 192 h Phương pháp: Thông tin được cung cấp dựa trên dữ liệu thu được từ các chất tương tự. Ghi chú: Không độc trên thực tế. LL/EL/IL50 > 100 mg/l
Độc tính đối với các vi sinh vật (Độc cấp tính)	: EC20 (Bùn hoạt tính, chất thải sinh hoạt): > 1,995 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 0.5 h Phương pháp: Các phương pháp hướng dẫn khác. Ghi chú: Không độc trên thực tế. LL/EL/IL50 > 100 mg/l
Độc đối với cá (Tính độc mãn tính)	: NOEC: 15,380 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 7 d Loài: Pimephales promelas (cá tuế đầu to) Phương pháp: Các phương pháp hướng dẫn khác. Ghi chú: NOEC/NOEL > 100 mg/l
Độc tính đối với loài giáp xác (Tính độc mãn tính)	: NOEC: 8,590 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 7 d Loài: Ceriodaphnia dubia (Bọ nước) Phương pháp: Các phương pháp hướng dẫn khác. Ghi chú: NOEC/NOEL > 100 mg/l

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Sản phẩm:

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Dễ phân hủy nhanh.

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol :

Tính phân hủy sinh học : Phân hủy sinh học: 70 - 80 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B
Ghi chú: Dễ phân hủy nhanh.
Ôxi hóa nhanh bằng các phản ứng quang hóa trong không
khí.

Khả năng tích lũy sinh học

Sản phẩm:

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Không tích lũy hóa sinh nhiều.

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : Ghi chú: Không áp dụng.

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol :

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Không tích lũy hóa sinh nhiều.

Độ linh động trong đất

Sản phẩm:

Tính lưu động : Ghi chú: Dạng chất lỏng trong điều kiện môi trường thông thường., Nếu sản phẩm đi vào đất, chúng sẽ có khả năng linh động cao và có thể làm ô nhiễm nước ngầm., Tan trong nước., Gây ra nguy cơ cao về mất ôxi trong các hệ thống dưới nước.

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol :

Tính lưu động : Ghi chú: Nếu sản phẩm này ngấm xuống đất, một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm sẽ di chuyển và có thể gây ô nhiễm cho nguồn nước ngầm, Tan trong nước.

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Không có nguy cơ bào mòn tầng ôzôn, nguy cơ tạo ôzôn quang hóa hoặc nguy cơ làm ấm lên toàn cầu.

Thành phần:

2.2'-oxydiethanol :

Kết quả đánh giá PBT và vPvB : Chất không đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn kiểm tra về tính bền vững trong môi trường, tích lũy sinh học và tính độc hại, vì vậy không được xem là PBT hoặc vPvB.

Các thông tin sinh thái khác : Không áp dụng.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Khôi phục hoặc tái chế nếu có thể.
Người thải rác có trách nhiệm xác định độ độc và các tính chất vật lý của rác thải nhằm xác định loại rác cũng như phương pháp thải phù hợp với các qui định được áp dụng. Không nên thải vào môi trường, vào cống nước hay các dòng nước.

Không được để sản phẩm bỏ đi làm ô nhiễm đất và nước ngầm, hoặc để thải bỏ ra môi trường.

Chất thải, chất tràn hay sản phẩm đã dùng là chất thải nguy hiểm

Chất thải phát sinh khi bị đổ hóa chất hay làm vệ sinh thùng

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

chứanên được thải bỏ theo các qui định hiện hành, ưu tiên đối với nhàthu gom và nhà thầu. Việc lựa chọn phương tiện thu gom hay nhà thầu nên được xác định trước đó. Khoảng nữaet toàn nồduc saút vôùi maết ñaát, vì nhỏ theá seõ laøm cho nồduc bò nhieãm ñaát vaø nhieãm caùc taíp chaát khaùc khi thoaùt nồduc.

MARPOL - Tham khảo Công ước Quốc tế về Ngăn ngừa Ô nhiễm từ Tàu thuyền (MARPOL 73/78) cung cấp các khía cạnh kỹ thuật về kiểm soát ô nhiễm từ tàu thuyền.

Bao bì nhiễm độc

: Công tác loại bỏ phải phù hợp với các qui định phổ biến, ưu tiên người thu gom và nhà thầu có uy tín. Việc chọn sử dụng người thu gom hay nhà thầu phải được quyết định trước. Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và qui định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.

Luật địa phương
Ghi chú

: Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và qui định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

ADR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

IMDG-Code

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận tải hàng hải với số lượng lớn theo các công cụ của IMO

Các quy tắc MARPOL, phụ lục 1 áp dụng cho việc vận chuyển hàng xá bằng đường biển.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú

: Tham khảo Chương 7, Xử lý & Lưu Trữ, để biết thêm về các phòng ngừa đặc biệt mà người sử dụng cần phải lưu ý hoặc cần tuân theo có liên quan đến việc vận chuyển.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

Các thông tin qui định không có nghĩa bao hàm toàn bộ. Các qui định khác có thể được áp dụng cho sản phẩm này.

Các quy định của Việt Nam về giao thông vận tải:

Nghị định 42/2020/NĐ-CP: Nghị định quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thuỷ nội địa

Luật Hoá chất Việt Nam:

Nghị định số 113/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

Luật Tiêu chuẩn và Chỉ tiêu Kỹ thuật. Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Điều 29, Luật Hoá chất Việt Nam, và Phụ lục 9, Điều 7 của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương ("Thông tư 32").

111/2021/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

Các quy định quốc tế khác

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

TSCA : Tất cả các thành phần được liệt kê.

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Toàn bộ nội dung các phần trình bày - H

H302	Có hại nếu nuốt phải.
H315	Gây kích ứng da.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H412	Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

Acute Tox.	Độc cấp tính
Aquatic Chronic	Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh
Eye Irrit.	Kích ứng mắt
Skin Corr.	Ăn mòn da

Chữ viết tắt và từ viết tắt

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Water-Glycol S2 CX-INT 46

Phiên bản 1.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 13.02.2023

Ngày in 18.10.2023

chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin khác

Các thông tin khác : Một vạch thẳng đứng (I) ở phía trái cho biết 1 sự hiệu chỉnh (sửa đổi) so với phiên bản trước đây.

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI